

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 29/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	102211833	PHAN NGỌC	THÀNH	K14XDD1	3			5.5		7.5			HP	0.0	Khăng		
2	132214406	BÙI VIỆT	ANH	K14XDD1	0			0		0			2.5	0.0	Khăng		
3	132214419	MAI DUY VIỆT	CƯỜNG	K14XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
4	132214439	LÊ QUỐC	DUƠNG	K14XDD1	6			0		6			1.5	0.0	Khăng		
5	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K14XDD1	9			9		8			6	7.2	Báý pháp Hai		
6	132214522	PHẠM DUY	PHƯỚC	K14XDD1	8			9		7			6	6.9	Sầu pháp Chên		
7	132214611	PHẠM QUỐC	VĂN	K14XDD1	6			0		7			5.5	5.0	Nằm		
8	132214617	ĐỖ MAI HOÀNG	VIN	K14XDD1	7			8.5		9			5	6.4	Sầu pháp Bắú		
9	132214634	PHẠM QUỐC	HUY	K14XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
10	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	8			7		6			5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
11	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	9			5		7.5			6.5	6.8	Sầu pháp Tắm		
12	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	10			9		8			5.5	7.1	Báý pháp Mắú		
13	142211184	TỔNG VĂN	BÌNH	K14XDD1	8			8		7			5.5	6.5	Sầu pháp Nằm		
14	142211190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD1	5			8		6.5			4	5.1	Nằm pháp Mắú		
15	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	8			8.5		7			6	6.8	Sầu pháp Tắm		
16	142211209	TRẦN NGỌC	DUY	K14XDD1	8			9		7			7	7.5	Báý pháp Nằm		
17	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	9			5.5		6.5			2.5	0.0	Khăng		
18	142211215	NGUYỄN QUANG	HÒA	K14XDD1	9			0		7			7	6.3	Sầu pháp Ba		
19	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	10			8.5		8			5	6.7	Sầu pháp Báý		
20	142211221	PHẠM TẤN	HỮU	K14XDD1	8			7.5		6			6	6.5	Sầu pháp Nằm		
21	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	7			8		7			7	7.2	Báý pháp Hai		
22	142211230	VŨ NGỌC	KHƯƠNG	K14XDD1	7			8.5		7.5			8	7.9	Báý pháp Chên		
23	142211233	ĐÌNH HỮU	LINH	K14XDD1	7			8		5.5			6	6.4	Sầu pháp Bắú		
24	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K14XDD1	5			0		7			HP	0.0	Khăng		
25	142211250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD1	8			8.5		7			6	6.8	Sầu pháp Tắm		
26	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	9			6.5		8			6	6.8	Sầu pháp Tắm		
27	142211259	VÕ VĂN	QUỐC	K14XDD1	8			8.5		8			7	7.5	Báý pháp Nằm		
28	142211267	CHUNG QUÍ	TÂN	K14XDD1	5			5		7			4	4.8	Bắú pháp Tắm		
29	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	10			8.5		9			6	7.4	Báý pháp Bắú		
30	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	10			7.5		7.5			5	6.5	Sầu pháp Nằm		
31	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	9			9		9			6	7.4	Báý pháp Bắú		
32	142211289	PHAN ĐỨC	TIN	K14XDD1	6			8.5		7			HP	0.0	Khăng		
33	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	7			5		7.5			5	5.7	Nằm pháp Báý		
34	142211295	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	K14XDD1	10			9		7			6	7.2	Báý pháp Hai		
35	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	10			6.5		7			6	6.8	Sầu pháp Tắm		
36	142211305	VĂN ĐÌNH	TƯƠNG	K14XDD1	9			0		7			6	5.7	Nằm pháp Báý		
37	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	8			7		9			7.5	7.7	Báý pháp Báý		
38	142211311	TRẦN TẤN	VIỆT	K14XDD1	10			7		9			6	7.2	Báý pháp Hai		
39	142211316	LÝ HOÀNG	VŨ	K14XDD1	7			7		7.5			HP	0.0	Khăng		
40	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	7			8.5		7.5			6.5	7.0	Báý		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

HỌC KỲ 6
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 29/03/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	6			5		4			4.5	4.7	Bầu pháy Baý		
42	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	6			0		7			4	4.2	Bầu pháy Hai		
43	111140262	NGUYỄN PHONG	LƯU	K14XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
44	111140293	LÊ BẢO	QUỐC	K14XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
45	122210334	PHAN HUY	VIÊN	K14XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
46	132214408	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	K14XDD2	8			7.5		8			6.5	7.1	Baý pháy Mắu		
47	132214470	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	K14XDD2	9			5		6.5			4.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
48	132214526	NGUYỄN ĐOÀN	PHƯƠNG	K14XDD2	7			6		6			2.5	0.0	Khăng		
49	132214570	GIANG TẤN	THUẬN	K14XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
50	142211172	BÙI TRƯỜNG	AN	K14XDD2	8			8.5		7			5	6.3	Sầu pháy Ba		
51	142211175	TRẦN TUẤN	ANH	K14XDD2	7			7.5		5			7	6.8	Sầu pháy Tâm		
52	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	K14XDD2	9			9		9			7	7.9	Baý pháy Chên		
53	142211187	LÊ VIỆT	CẢNH	K14XDD2	10			7.5		7.5			6.5	7.3	Baý pháy Ba		
54	142211191	NGUYỄN TẤN	CHUẨN	K14XDD2	7			6.5		9			4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
55	142211194	PHẠM ANH	CƯỜNG	K14XDD2	5			7		5			5	5.3	Nằm pháy Ba		
56	142211197	BÙI QUỐC	ĐẠT	K14XDD2	9			8		8			4	6.0	Sầu		
57	142211203	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	K14XDD2	6			5		7			6	6.0	Sầu		
58	142211213	TRƯƠNG QUANG	HIẾU	K14XDD2	10			9		9			7	8.1	Tằm pháy Mắu		
59	142211216	LÊ NGỌC ANH	HOÀI	K14XDD2	10			8.5		8.5			6.5	7.6	Baý pháy Sầu		
60	142211219	NGUYỄN VĂN	HÙNG	K14XDD2	6			7.5		8			6.5	6.8	Sầu pháy Tâm		
61	142211222	TRẦN ĐÌNH	HUY	K14XDD2	9			7		7			8	7.9	Baý pháy Chên		
62	142211228	LÊ	KHOA	K14XDD2	10			9		9			6.5	7.8	Baý pháy Tâm		
63	142211231	VĂN NGỌC	LAI	K14XDD2	9			6		7.5			5	6.1	Sầu pháy Mắu		
64	142211242	NGUYỄN VĂN	NAM	K14XDD2	9			6.5		7			4	5.6	Nằm pháy Sầu		
65	142211247	BÙI HỒNG	NHẬT	K14XDD2	6			8		5			5	5.6	Nằm pháy Sầu		
66	142211252	PHAN TẤN UYÊN	PHƯỚC	K14XDD2	7			8.5		8.5			2.5	0.0	Khăng		
67	142211256	PHẠM VĂN	QUỐC	K14XDD2	7			7.5		7.5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
68	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC	QUÝ	K14XDD2	8			9		9			6.5	7.5	Baý pháy Nằm		
69	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI	SON	K14XDD2	8			8		7			4.5	5.9	Nằm pháy Chên		
70	142211268	LÊ HỮU	TẤN	K14XDD2	7			6		7			6.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
71	142211278	NGUYỄN ĐÌNH	THẢO	K14XDD2	9			8		7			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
72	142211281	LƯU ĐỨC	THIỆN	K14XDD2	10			7.5		6			6	6.8	Sầu pháy Tâm		
73	142211290	LÊ BÁ	TÍN	K14XDD2	7			7		5			5	5.6	Nằm pháy Sầu		
74	142211293	PHẠM MINH	TOÀN	K14XDD2	8			6.5		6			5.5	6.1	Sầu pháy Mắu		
75	142211296	TỔNG THÀNH	TRUNG	K14XDD2	10			7.5		9			6.5	7.6	Baý pháy Sầu		
76	142211299	HÀ ANH	TUẤN	K14XDD2	10			7.5		9			5	6.7	Sầu pháy Baý		
77	142211303	NGUYỄN THANH	TUẤN	K14XDD2	7			6		6			4.5	5.3	Nằm pháy Ba		
78	142211309	NGÔ QUỐC	VIỆT	K14XDD2	7			7		3			5.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
79	142211312	TRƯƠNG VĂN	VIỆT	K14XDD2	8			7.5		8			7	7.4	Baý pháy Bắu		
80	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN	VŨ	K14XDD2	6			7		5.5			5.5	5.8	Nằm pháy Tâm		
81	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG	XUÂN	K14XDD2	8			6		7			5	5.9	Nằm pháy Chên		
82	142221365	ĐỖ NGỌC	TÌNH	K14XDD2	10			7.5		5.5			5	6.2	Sầu pháy Hai		
83	142332177	TRƯƠNG QUANG	KỶ	K14XDD2	10			9		9			8.5	8.9	Tằm pháy Chên		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 29/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
84	101140099	NGUYỄN NGỌC DŨNG	K14XDD2	7			7		6			5	5.8	Nằm phấp Tầm		
85	111140268	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	K14XDD3	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
86	132214416	VĂN PHÚ CHÁNH	K14XDD3	10			0		6.5			5	5.2	Nằm phấp Hai		
87	132214600	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	K14XDD3	5			5		5			2	0.0	Khăng		
88	142211173	NGUYỄN NHƯ AN	K14XDD3	10			7		7			6	6.9	Sầu phấp Chên		
89	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG BÁCH	K14XDD3	8			7		6			6	6.5	Sầu phấp Nằm		
90	142211183	PHẠM THANH BÌNH	K14XDD3	10			9		8.5			7	8.0	Tầm		
91	142211189	LÊ QUỐC CHÍNH	K14XDD3	10			9		8.5			6	7.4	Báý phấp Bắú		
92	142211192	NGUYỄN NHƯ CƯỜNG	K14XDD3	9			8.5		6			4.5	6.0	Sầu		
93	142211199	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	K14XDD3	9			8.5		8			6	7.1	Báý phấp Mắú		
94	142211204	LÊ QUANG DŨNG	K14XDD3	9			8.5		6.5			5.5	6.6	Sầu phấp Sầu		
95	142211207	PHAN HOÀNG DŨNG	K14XDD3	9			7		6			6	6.6	Sầu phấp Sầu		
96	142211211	HOÀNG QUANG HẢO	K14XDD3	7			6		6			6	6.2	Sầu phấp Hai		
97	142211214	NGUYỄN KHÁNH HÒA	K14XDD3	9			8		8			4	6.0	Sầu		
98	142211217	TRẦN THẾ HOÀNG	K14XDD3	9			8.5		7			4	5.9	Nằm phấp Chên		
99	142211220	NGUYỄN NGUYỄN HƯNG	K14XDD3	10			8		9			4	6.3	Sầu phấp Ba		
100	142211224	NGUYỄN NGỌC HUỲNH	K14XDD3	10			8		6			6.5	7.2	Báý phấp Hai		
101	142211232	ĐOÀN TÂN LẬP	K14XDD3	10			6		8			1.5	0.0	Khăng		
102	142211239	NGUYỄN PHI MINH	K14XDD3	10			9		9			4.5	6.7	Sầu phấp Báý		
103	142211244	LÊ QUỐC NGHĨA	K14XDD3	8			8.5		5			5	6.0	Sầu		
104	142211248	NGUYỄN THANH NHÚT	K14XDD3	8			7		5			6	6.3	Sầu phấp Ba		
105	142211253	ĐỖ TRUNG PHƯƠNG	K14XDD3	9			9		8			6	7.2	Báý phấp Hai		
106	142211257	TRẦN VĂN QUỐC	K14XDD3	9			8.5		8			4	6.0	Sầu		
107	142211265	NGUYỄN KHÁNH SƠN	K14XDD3	10			6.5		7			5.5	6.6	Sầu phấp Sầu		
108	142211269	NGUYỄN QUANG THÁI	K14XDD3	9			8.5		9			4	6.2	Sầu phấp Hai		
109	142211274	ĐÌNH CÔNG THÀNH	K14XDD3	9			8.5		6			4.5	6.0	Sầu		
110	142211279	NGUYỄN HỒNG THI	K14XDD3	6			0		5			4.5	4.1	Bắú phấp Mắú		
111	142211282	VY VĂN THỜI	K14XDD3	10			9		6.5			5	6.6	Sầu phấp Sầu		
112	142211286	NGUYỄN QUANG THUẬN	K14XDD3	8			7		5			2	0.0	Khăng		
113	142211291	LÊ VĂN TOÀN	K14XDD3	7			8.5		6.5			2.5	0.0	Khăng		
114	142211297	VÕ VĂN TUẤN	K14XDD3	8			7		9			5.5	6.6	Sầu phấp Sầu		
115	142211300	NGUYỄN ANH TUẤN	K14XDD3	10			8		6			5	6.4	Sầu phấp Bắú		
116	142211304	NGUYỄN SƠN TÙNG	K14XDD3	10			9		9			7	8.1	Tầm phấp Mắú		
117	142211307	NGUYỄN THÀNH VĂN	K14XDD3	10			9		6			4.5	6.2	Sầu phấp Hai		
118	142211310	NGUYỄN DUY VIỆT	K14XDD3	10			7.5		8.5			6	7.2	Báý phấp Hai		
119	142211315	LƯU VĂN VŨ	K14XDD3	8			5		5			4.5	5.2	Nằm phấp Hai		
120	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT VƯƠNG	K14XDD3	9			6		8			6.5	7.0	Báý		
121	142214458	HUỲNH NGUYỄN KHOA	K14XDD3	7			5		8			4	5.2	Nằm phấp Hai		
122	142214795	NGUYỄN VƯƠNG THẠCH	K14XDD3	9			0		9			4.5	5.2	Nằm phấp Hai		
123	142221370	PHẠM SƠN TÙNG	K14XDD3	7			5		7			4.5	5.3	Nằm phấp Ba		
124	122210235	NGUYỄN HỒNG ANH	K14XDD3	0			0		0			V	0.0	Khăng		
1	0997	NGUYỄN THÀNH CÔNG	C15XCD	8			7		5			5	5.8	Nằm phấp Tầm		
2	1015	NGUYỄN ĐÌNH TÝ	C15XCD	10			7		7			4	5.8	Nằm phấp Tầm		

Ngày thi: 29/03/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
3	1016	NGUYỄN VĂN PHI	C15XCD	10			7		5.5			5.5	6.4	Sầu pháy Bấu		
4	1043	NGUYỄN ĐỨC HẬU	C15XCD	8			7		6			5	5.9	Nằm pháy Chên		
5	1045	NGUYỄN QUỐC VIỆT QUANG	C15XCD	8			7		6			5	5.9	Nằm pháy Chên		
6	8412	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	K10XC	8			6		6			5.5	6.0	Sầu		
7	0457	VÕ MINH TẤN	K11XC	9			8		8			6	7.0	Báy		
8	3148	NGUYỄN VĂN DŨNG	K14XCD	7			7.5		6.5			4	5.4	Nằm pháy Bấu		
9	3158	ĐÌNH NHƯ HIẾU	K14XCD	9			7		7			2.5	0.0	Khăng		
10	3178	LÊ THỊ THẢO LOAN	K14XCD	9			8		7			4	5.8	Nằm pháy Tầm		
11	0339	NGUYỄN NGÔ HOÀI BẮC	T13XDC	7			8		6			V	0.0	Khăng		
12	0292	HUỖNH NGỌC ANH	T14XDC	9			8		9			5	6.7	Sầu pháy Báy		
13	0339	LÊ MINH THÀNH	T14XDC	6			6		6			6	6.0	Sầu		
14	0239	HÀ VĂN TƯỜNG QUANG	T14XDD	9			7		7.5			5	6.3	Sầu pháy Ba		
15	0257	NGUYỄN QUỐC THỊNH	T14XDD	9			7		5.5			7.5	7.4	Báy pháy Bấu		
16	0270	TRẦN THỂ TRUNG	T14XDD	7			7		6			5	5.8	Nằm pháy Tầm		
17	0275	PHẠM THANH TÚ	T14XDD	8			7		9			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
18	0284	PHAN THÀNH TÚY	T14XDD	7			8		5			5	5.8	Nằm pháy Tầm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	119	84%	
2	Số sinh viên nợ	23	16%	
TỔNG CỘNG :		142	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú